

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **69** /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17-9-2020.

V/v: “Ly hôn và quyền nuôi con
giữa bà N và ông L”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Duyên

2. Ông Dương Hải Long

-Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Phú- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Ngọc Hiền– Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số số: 247/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2020 Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2020/QĐHPT-HNGĐ ngày 08/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thùy N; Địa chỉ: thôn P, xã M, huyện N, tỉnh N. Vắng mặt.

Bị đơn: Ông Hoàng L; Địa chỉ: Số 2/2 P, phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thùy N trình bày: Bà và ông L kết hôn vào năm 2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới, sau khi kết hôn chung sống tại địa chỉ: Số 87 tổ N, phường J, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, do tính cách không hòa hợp và ông L không có trách nhiệm với gia đình, bỏ bê vợ con, chơi bời hoang phí, bà rất bất mãn, nên bà đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn P,

xã M, huyện N, tỉnh N từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay. Nay bà không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung với ông L, nên yêu cầu ly hôn với ông Hoàng L

Về con chung: Hai vợ chồng có 1 con chung tên Hoàng Nhất N, sinh ngày 21/12/2019 ly hôn bà yêu cầu được nuôi con vì con còn quá nhỏ và yêu cầu ông Hoàng L trợ cấp 10.000.000đ/1 tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có

Theo bản tự khai ông Hoàng L trình bày: Ông và bà Huỳnh Thị Thùy N có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân do hai bên tự nguyện có tổ chức cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Số 87 tổ N, phường J, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống hạnh phúc cho đến mẹ vợ phá đám, nói ông không có việc làm và đưa con gái về tỉnh N.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung tên Hoàng Nhất N, sinh ngày 21/12/2019, ly hôn ông đồng ý giao cho bà N nuôi con và ông cấp dưỡng theo pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên Tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ phát biểu ý kiến về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, của những người tham gia tố tụng. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Thùy N, cho ly hôn giữa bà Huỳnh Thị Thùy N và ông Hoàng L. Về con chung giao con tên Hoàng Nhất N, sinh ngày 21/12/2019 cho Huỳnh Thị Thùy N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Buộc ông Hoàng L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2020 cho đến khi con thành niên. Về tài sản chung không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố, thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Bà Huỳnh Thị Thùy N, yêu cầu ly hôn với ông Hoàng L và yêu cầu nuôi con, nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn và quyền nuôi con” theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Ông Hoàng L có địa chỉ: Số 2/2 P, phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ theo qui định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bà Huỳnh Thị Thùy N có đơn xin xét xử vắng mặt và ông Hoàng L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T và ông Hoàng L kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Thùy N và ông Hoàng L là hợp pháp. Quá trình chung sống xuất phát từ bất đồng trong làm ăn không có chia sẻ trách nhiệm với nhau, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn không giải quyết được, hai bên không còn sống chung từ 3/2020 đến nay. Nay bà N yêu cầu ly hôn. Ông Hoàng L không có ý kiến gì về việc có ly hôn hay không ly hôn và vắng mặt là thể hiện thái độ không quan tâm trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà N. Qua xác minh được biết hai bên không còn sống chung. Với thực trạng của quan hệ hôn nhân trên thể hiện mâu thuẫn vợ chồng là có thật và đã trầm trọng, có kéo dài thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Thùy N là có cơ sở. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Thùy Nhất, cho ly hôn giữa bà Huỳnh Thị Thùy N và ông ông Hoàng L.

[4] Về con chung: Giữa bà Huỳnh Thị Thùy N và ông Hoàng L có 01 con chung tên Hoàng Nhất N, sinh ngày 21/12/2019. Hiện con đang ở với bà N, ly hôn bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con, ông L cũng đồng ý giao con cho bà N nuôi dưỡng. Xét con còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ vì vậy giao con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên là phù hợp với qui định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con bà N yêu cầu ông L cấp 10.000.000đ/1 tháng, ông Long đề nghị chỉ cấp dưỡng theo qui định của pháp luật. Xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ, mức cấp dưỡng bà N yêu cầu ông Long cấp dưỡng nuôi con 10.000.000đ (mười triệu đồng)/tháng là cao so với với chi phí thực tế để cùng nuôi con, qua xác minh được biết ông L hiện đang thất nghiệp, nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của bà N, buộc ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ là phù hợp, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2020 cho đến khi con thành niên.

[6] Về tài sản chung và về nợ chung: Hai bên không có tranh chấp nên không đề cập.

[7] Về án phí: Bà N phải chịu án phí ly hôn theo qui định của pháp luật. Ông L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 8, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1 - Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Thị Thùy N và ông Hoàng L.

2- Về quyền nuôi con chung: Giao con chung tên Hoàng Nhất N, sinh ngày 21/12/2019 cho bà Huỳnh Thị Thùy N tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên.

3- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Hoàng L cấp dưỡng nuôi con tên Hoàng Nhất N, sinh ngày 21/12/2019 mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2020 cho đến khi con thành niên.

Quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

4- Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng ông L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

5- Về án phí: Bà Huỳnh Thị Thùy N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (Được trừ vào số tiền tạm nộp án phí, Huỳnh Thị Thùy Nhất đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0017442 ngày 18/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt) bà Nhất đã nộp đủ. Ông Hoàng L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

6- Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Thùy N, ông Hoàng L vắng mặt tại phiên toà được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND tp.Đ;
- UBND phường H.Tp.Đ.
- Chi cục THADS tp. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Đoàn Thị Tuyết Nga

